

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN Ở VIỆT NAM

Hoàng Văn Thắng¹ *

TÓM TẮT

Rừng trồng gỗ lớn không chỉ mang lại các giá trị về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, cảnh quan, bảo tồn đa dạng sinh học mà còn có giá trị trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt là rừng trồng gỗ lớn do có khả năng lưu giữ và hấp thụ khí CO₂ lớn và trong thời gian dài. Diện tích rừng trồng gỗ lớn của Việt Nam hiện có 489.016,8 ha và diện tích chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn là 126.175 ha. Diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn chiếm 13,45% trên tổng diện tích rừng trồng của cả nước. Đến nay, diện tích rừng trồng gỗ lớn hiện có chủ yếu là các loài keo. Có nhiều loài cây bản địa rất thích hợp cho trồng rừng gỗ lớn và đã có các quy trình kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn cho các loài cây này. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển rừng trồng gỗ lớn ở Việt Nam. Tuy nhiên, trồng rừng gỗ lớn còn gặp nhiều khó khăn, do chu kỳ dài, yêu cầu kỹ thuật và đầu tư cao hơn so với rừng trồng gỗ nhỏ chu kỳ ngắn. Diện tích của các chủ rừng là hộ gia đình và cá nhân được giao quản lý nhỏ, chính sách hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn và gặp nhiều rủi ro nên việc phát triển rừng trồng gỗ lớn còn rất hạn chế và chưa đạt được mục tiêu phát triển của ngành đã đề ra. Vì thế để phát triển rừng trồng gỗ lớn cần quan tâm tháo gỡ, giải quyết các tồn tại này.

Từ khóa: Trồng rừng, gỗ lớn, gỗ xẻ, bền vững.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rừng trồng nói chung và rừng trồng gỗ lớn nói riêng ở Việt Nam có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Rừng trồng ở các vùng sinh thái đến nay đều đã được phủ xanh bằng nhiều loài cây, bao gồm cả các loài cây nhập nội (keo, bạch đàn) và các loài cây bản địa (Lim xanh, Giổi xanh, Vối thuốc, Lát hoa, Sồi phẳng, Xoan đào, Dẻ đỏ, Huỷnh, Sao đen, Dầu rái,...). Nhận thức rõ về vai trò và giá trị của trồng rừng gỗ lớn, đặc biệt là phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, năm 2004 Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng [1] và đã được thay thế bằng Luật Lâm nghiệp (2017) [2]. Để thực hiện Luật Lâm nghiệp (2007) [2], Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 523/QĐ-TTg [3], Quyết định số 255/QĐ-TTg [4], Quyết định số 809/QĐ-TTg [5]. Đặc biệt trong Quyết định số 809/QĐ-TTg [5] đã nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của ngành lâm nghiệp là

phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng và trồng rừng cung cấp gỗ lớn. Cụ thể là đối với rừng trồng, cần trồng 230 nghìn ha/năm, trong đó 30% diện tích là trồng rừng gỗ lớn, thâm canh, phải nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, đến năm 2025 năng suất rừng trồng đạt bình quân 20 m³/ha/năm, sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng trong nước (gỗ rừng trồng tập trung, cây trồng phân tán...) đáp ứng khoảng 80% nguyên liệu cho sản xuất, chế biến. Mặc dù rừng trồng gỗ lớn có giá trị cao và đã có các văn bản pháp lý để thực hiện nhưng đến nay diện tích rừng trồng gỗ lớn ở nước ta còn rất hạn chế. Cả nước mới trồng được 489.016,8 ha rừng gỗ lớn [6] trên tổng số 4.573.444 ha rừng trồng hiện có [7]. Như vậy có thể thấy, diện tích rừng trồng gỗ lớn còn rất hạn chế, điều này là do rừng trồng rừng gỗ lớn đang gặp nhiều tồn tại và khó khăn cần được tháo gỡ. Chính vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển rừng trồng gỗ lớn ở Việt Nam là rất cần thiết.

¹ Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

*Email: hoangthang75@gmail.com

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

Rừng trồng gỗ lớn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu, thu thập tài liệu

Kế thừa có chọn lọc các văn bản, tài liệu đã công bố về hiện trạng rừng, rừng trồng gỗ lớn, các văn bản chính sách có liên quan, kết hợp với phương pháp tham vấn ý kiến của các chuyên gia thông qua hội nghị chuyên đề để tổng hợp những kết quả đã đạt được về trồng rừng gỗ lớn, xác định các vấn đề còn tồn tại khi trồng rừng gỗ lớn cần được quan tâm tháo gỡ, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn ở Việt Nam.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số kết quả đã đạt được về trồng rừng gỗ lớn

Về diện tích rừng trồng gỗ lớn: Theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp (2020) [8] cho thấy, rừng trồng sản xuất ở Việt Nam chủ yếu đang được trồng với chu kỳ ngắn (5 - 7 năm), bằng các loài cây sinh trưởng nhanh như: Keo, Bạch đàn với diện tích chiếm trên 70% (tương đương 1.715.280 ha). Cây có chu kỳ khai thác 8 - 12 năm như: Mỡ, Bò đề, Tràm, với diện tích chiếm 20% (tương ứng 490.000 ha). Các loài cây khác có chu kỳ khai thác trên 10 năm như: Lát hoa, Xoan ta, Thông và các loài cây bản địa khác, với diện tích chiếm 10% (tương ứng 245.400 ha).

Rừng trồng gỗ lớn hiện nay đang được hình thành theo 2 cách thức khác nhau, đó là trồng mới rừng gỗ lớn từ đầu hoặc chuyển hoá từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn. Cũng theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp (2020) [8], diện tích trồng rừng gỗ lớn của nước ta hiện có 489.016,8 ha. Trong đó: Các tỉnh miền núi phía Bắc 325.927 ha; các tỉnh đồng bằng Bắc bộ 1.017,8 ha; các tỉnh vùng Bắc Trung bộ 121.698,8 ha; các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ 14.040 ha; các tỉnh vùng Tây Nguyên 4.545 ha; các tỉnh vùng Đông Nam bộ

21.525,8 ha và các tỉnh vùng Tây Nam bộ 262,2 ha. Về diện tích chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, cả nước hiện có 126.175 ha. Trong đó: Các tỉnh miền núi phía Bắc 91.860 ha; các tỉnh vùng Bắc Trung bộ 28.346 ha; các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ 1.458 ha; các tỉnh vùng Đông Nam bộ 4.391 ha và các tỉnh vùng Tây Nam bộ 120 ha [8]. Như vậy, so với tổng diện tích rừng trồng hiện có của Việt Nam là 4.573.444 ha (trong đó diện tích rừng trồng sản xuất là 3.852.380 ha [7] thì diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Nếu tính cả rừng chuyển hoá thì cả nước hiện chỉ có 615.191,8 ha rừng trồng kinh doanh gỗ lớn, chiếm 13,45% trên tổng diện tích rừng trồng và chiếm 15,97% diện tích rừng trồng sản xuất.

Về loài cây và kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn: Diện tích trồng rừng kinh doanh gỗ lớn hiện nay chủ yếu được trồng bằng các loài keo, các loài cây bản địa được sử dụng trồng rừng gỗ lớn còn rất hạn chế. Để có cơ sở cho các địa phương sử dụng các loài cây vào trồng rừng gỗ lớn, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định 16/2005/QĐ-BNN [9] và được thay thế bằng Quyết định 4961/QĐ-BNN-TCLN [10], Thông tư số 44/2015/TT-BNNPTNT [11]. Theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp (2020) [8], đến hết năm 2020 cả nước có 526 nguồn giống được công nhận tại 35/63 tỉnh, thành phố với tổng diện tích 4.287,5 ha và có trên 220 giống cây trồng lâm nghiệp mới cho năng suất, chất lượng cao, trong đó có 10 giống cây lá rộng bản địa đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận. Bên cạnh danh mục các loài cây trồng, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đã ban hành nhiều quy trình, hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng theo hướng cung cấp gỗ lớn cho nhiều loài cây, bao gồm cả các loài keo và cây bản địa. Đây là cơ sở quan trọng để phát triển rừng trồng nói chung và rừng trồng gỗ lớn nói riêng.

Về năng suất và hiệu quả của rừng trồng gỗ lớn: Theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp (2020) [8]: Đối với cây có chu kỳ ngắn (keo, bạch đàn - chu kỳ khai thác trung bình 6 năm) đạt năng

suất bình quân 18 m³/ha/năm. Với các loài cây có chu kỳ khai thác trung bình (Mỡ, Bồ đề, Tràm..., chu kỳ khai thác trung bình 10 năm) đạt năng suất bình quân 12 m³/ha/năm. Đối với cây có chu kỳ khai thác dài (Lát, Xoan, Thông và các loài cây bản địa khác,... chu kỳ khai thác trung bình 20 năm trở lên) năng suất bình quân 8 m³/ha/năm. Rừng trồng chu kỳ ngắn nhanh mang lại thu nhập cho chủ rừng nhưng kém hiệu quả hơn nhiều so với các rừng trồng gỗ lớn chu kỳ dài, kể cả về phương diện kinh tế và môi trường. Theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp (2023) [6], nếu trồng rừng gỗ nhỏ chu kỳ 5 năm thì sau 2 chu kỳ sẽ đạt được năng suất là 180 m³/ha và giá trị thu được là 230 triệu đồng/ha, trong khi đó nếu trồng gỗ lớn với chu kỳ



Hình 1. Rừng trồng Xoan đào 27 tuổi tại Vườn Quốc gia Cúc Phương

3.2. Một số vấn đề còn tồn tại khi trồng rừng gỗ lớn cần được quan tâm tháo gỡ

Chu kỳ kinh doanh dài: Rừng trồng gỗ lớn nếu được trồng bằng các loài cây mọc nhanh như các loài keo trên các lập địa phù hợp thì từ 10 năm trở lên mới có thể sử dụng làm gỗ lớn. Nếu trồng bằng các loài cây bản địa cũng phải từ 12 - 15 năm trở đi

10 năm thì đạt được năng suất là 250 m³/ha và giá trị thu được là 370 triệu đồng/ha. Trong những năm qua, ngành Lâm nghiệp đã có sự phát triển tốt với tốc độ tăng trưởng đạt trung bình từ 5 - 5,5%/năm. Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đã tăng nhanh trong những năm gần đây; năm 2022, đã đạt 15,87 tỷ USD [8]. Thị trường xuất khẩu gỗ, lâm sản đã được mở rộng, sản phẩm gỗ và lâm sản xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt ở hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam đã trở thành quốc gia thứ 5 trên thế giới, thứ 2 châu Á và thứ nhất Đông Nam Á về xuất khẩu gỗ và lâm sản. Tuy nhiên, tỷ trọng nguyên liệu chế biến gỗ trong nước chỉ đạt 76,4%, số còn lại vẫn phải nhập khẩu từ các nước trên thế giới [12].



Hình 2. Rừng trồng Vù hương 16 tuổi tại thành phố Hoà Bình

mới có thể khai thác làm gỗ lớn, không kể các loài cây bản địa sinh trưởng trung bình hoặc chậm thì thời gian khai thác làm gỗ lớn có thể lên vài chục năm. Vì thế các chủ rừng thường không muốn trồng rừng gỗ lớn.

Kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn yêu cầu cao hơn: Không phải lập địa nào cũng có thể trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, kể cả cây nhập nội mọc nhanh

như keo hoặc các loài cây bản địa. Do đó, khi trồng rừng cung cấp gỗ lớn, yếu tố kỹ thuật đầu tiên cần quan tâm là phải chọn được lập địa phù hợp (thường ở nơi đất tốt, lượng mưa cao). Ngoài ra các khâu kỹ thuật khác để trồng rừng gỗ lớn chu kỳ dài cũng thường yêu cầu cao hơn so với rừng trồng gỗ nhỏ chu kỳ ngắn. Một số khâu kỹ thuật cần được quan tâm thêm khi trồng rừng gỗ lớn là chọn loài cây trồng phù hợp, tiêu chuẩn cây trồng đảm bảo chất lượng, kỹ thuật trồng và chăm sóc cao hơn và cần tác động biện pháp tía cành, tỉa thưa, nuôi dưỡng rừng trồng khi rừng có sự cạnh tranh về không gian sinh dưỡng. Do các kỹ thuật này đều yêu cầu cao hơn so với trồng rừng gỗ nhỏ chu kỳ ngắn nên đây cũng là những hạn chế khi trồng rừng kinh doanh gỗ lớn hiện nay.

Trồng rừng gỗ lớn cần đầu tư cao hơn: Do trồng rừng gỗ lớn thường yêu cầu kỹ thuật cao hơn rừng trồng gỗ nhỏ như: Tiêu chuẩn cây giống tốt (đặc biệt là giống các loài cây bản địa), kích thước hố trồng lớn, thời gian chăm sóc nuôi dưỡng dài nên trồng rừng gỗ lớn cần đầu tư cao hơn so với trồng rừng gỗ nhỏ. Đây cũng là một trong các hạn chế của trồng rừng gỗ lớn.

Diện tích trồng rừng nhỏ và tiềm lực của chủ rừng còn yếu: Cả nước đang có khoảng hơn 1,1 triệu hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý 1.781.671 ha rừng trồng [13]. Đây thường là các hộ gia đình, cá nhân ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa nên thường có điều kiện kinh tế khó khăn. Trung bình mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân chỉ được giao quản lý khoảng 1,6 ha. Diện tích này nhỏ nên các hộ gia đình, cá nhân được giao thường ưu tiên để trồng rừng bằng các loài cây nhập nội, mọc nhanh như: Keo, Bạch đàn để nhanh có thu nhập, trang trải cho cuộc sống hàng ngày. Do đó rất khó có thể sử dụng đất giao khoán cho chủ rừng là các hộ gia đình và cá nhân để tham gia trồng rừng gỗ lớn.

Nhiều rủi ro khi trồng rừng gỗ lớn: Rừng trồng gỗ lớn do có chu kỳ kinh doanh dài nên thường gặp nhiều rủi ro hơn so với rừng trồng gỗ nhỏ chu kỳ ngắn. Đó là việc quản lý bảo vệ rừng khó khăn hơn (có thể bị chặt trộm cây), rừng có khả năng rừng bị sâu, bệnh hại nhiều hơn, đặc biệt là rừng trồng các loài keo nếu kéo dài thời gian và

khi trồng không chọn được giống kháng bệnh thì dễ bị bệnh mục ruột. Ngoài ra, nếu rừng được trồng ở các vùng có gió bão hàng năm thì cây trồng dễ bị đổ gãy hoặc ở các vùng có nhiệt độ cao về mùa khô thì lại dễ bị cháy rừng,...

Chính sách hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn: Để hỗ trợ phát triển rừng trồng sản xuất, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2015/NĐ-CP [14], trong đó đã quy định mức hỗ trợ từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công bằng tiền đối với việc trồng cây lấy gỗ và cây lâm sản ngoài gỗ. Về chính sách trồng rừng gỗ lớn đến nay chỉ được quy định trong Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg [15]. Theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg [15], nếu trồng các loài cây sản xuất gỗ lớn (khai thác sau 10 năm tuổi), cây đa mục đích, cây bản địa thì được hỗ trợ 8 triệu đồng/ha. Tuy nhiên, với các loài cây gỗ lớn chu kỳ dài thì mức hỗ trợ này là rất thấp, không đủ chi phí để các chủ rừng đầu tư trong cả chu kỳ dài. Bên cạnh đó, nhiều địa phương không có nguồn kinh phí để hỗ trợ cho các chủ rừng theo mức quy định trên. Do vậy các chính sách hỗ trợ hiện tại chưa đủ hấp dẫn để các chủ rừng yên tâm đầu tư trồng rừng gỗ lớn.

3.3. Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn

- Để trồng rừng gỗ lớn thành công, đạt hiệu quả cao, trước hết cần có quy hoạch vùng trồng rừng gỗ lớn, đồng thời chọn được các lập địa, loài cây phù hợp và cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp, tác động theo quá trình sinh trưởng, phát triển của rừng trồng.

- Với các rừng trồng gỗ lớn, do thường được trồng với mật độ thưa (đặc biệt là rừng trồng cây bản địa) nên cần có biện pháp trồng dưới tán rừng trồng gỗ lớn bằng các loài cây lâm sản ngoài gỗ (LSNG) để tạo thêm thu nhập ngắn ngày từ các loài cây LSNG này trong thời gian chờ đợi được khai thác gỗ lớn. Việc trồng cây LSNG dưới tán rừng trồng gỗ lớn sẽ phát huy được tiềm năng sản xuất của đất và góp phần nâng cao giá trị của rừng trồng gỗ lớn.

- Cần có cơ chế hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn. Do chu kỳ kinh doanh dài nên để các chủ rừng yên

tâm trồng rừng gỗ lớn trong thời gian dài, Nhà nước cần có chính sách để có thể hỗ trợ tốt hơn cho các chủ rừng.

- Tập trung cho chủ rừng là tổ chức phát triển trồng rừng gỗ lớn:

Hiện nay mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân chỉ được giao quản lý trung bình khoảng 1,6 ha. Với diện tích rất ít này và đời sống của các chủ rừng ở vùng núi thường rất khó khăn, do đó các hộ gia đình, cá nhân khó có thể đầu tư để trồng rừng gỗ lớn với chu kỳ dài. Vì vậy, để phát triển rừng trồng gỗ lớn cần ưu tiên và tập trung vào chủ rừng là các tổ chức, các đơn vị được giao quản lý diện tích rừng lớn và có tiềm lực kinh tế tốt hơn sẽ có cơ hội để trồng rừng gỗ lớn.

- Ngoài ra, cần quan tâm xây dựng chính sách bảo hiểm rừng trồng gỗ lớn để phòng ngừa những trường hợp rủi ro bất khả kháng do thiên tai, thời tiết gây ra. Đồng thời cần có chính sách khuyến khích liên doanh, liên kết khi trồng rừng gỗ lớn để phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến gỗ. Đây là một số giải pháp chính cần được quan tâm để thúc đẩy phát triển rừng trồng gỗ lớn ở nước ta.

4. KẾT LUẬN

- Rừng trồng gỗ lớn không chỉ mang lại các giá trị về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, cảnh quan, bảo tồn đa dạng sinh học mà còn rất có giá trị trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt là rừng trồng gỗ lớn do có khả năng lưu giữ và hấp thụ khí CO₂ lớn và trong thời gian dài.

- Trồng rừng gỗ lớn ở Việt Nam đã được quan tâm, đặc biệt trong những năm gần đây. Diện tích trồng rừng gỗ lớn hiện có 489.016,8 ha và diện tích chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn là 126.175 ha. Diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn chiếm 13,45% trên tổng diện tích rừng trồng của cả nước.

- Rừng trồng gỗ lớn có thể được trồng bằng Keo hoặc các loài cây bản địa. Đến nay, diện tích rừng trồng gỗ lớn hiện có được trồng chủ yếu là Keo. Có nhiều loài cây bản địa rất thích hợp cho trồng rừng gỗ lớn và đã có các quy trình kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn cho các loài cây này. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển rừng trồng gỗ lớn.

- Tuy nhiên, trồng rừng gỗ lớn hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, do chu kỳ dài, yêu cầu kỹ thuật cao, đầu tư cao hơn so với rừng trồng gỗ nhỏ chu kỳ ngắn. Diện tích của các chủ rừng là hộ gia đình và cá nhân được giao quản lý nhỏ, chính sách hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn và gặp nhiều rủi ro nên đến nay việc phát triển rừng trồng gỗ lớn còn rất hạn chế và chưa đạt được mục tiêu phát triển của ngành Lâm nghiệp đề ra. Vì thế để phát triển rừng trồng gỗ lớn cần quan tâm tháo gỡ, giải quyết các tồn tại này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2004). *Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (Luật số 29/2004/QH11)*.
2. Quốc hội (2017). *Luật Lâm nghiệp (Luật số 16/2017/QH14)*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025*.
6. Tổng cục Lâm nghiệp (2023). Báo cáo về một số vấn đề trọng tâm của ngành Lâm nghiệp. Báo cáo làm việc với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 7/3/2023.
7. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2022). *Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/7/2022 về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2021*.
8. Tổng cục Lâm nghiệp (2020). Báo cáo "Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn, nâng cao năng suất, chất lượng rừng phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050".
9. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2005). *Quyết định 16/2005/QĐ-BNN ngày 15/3/2005 về việc ban hành danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng sản xuất theo 9 vùng sinh thái lâm nghiệp*.

10. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2014). *Quyết định 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/11/2014 về ban hành danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp.*

11. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2015). *Thông tư số 44/2015/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2015 về ban hành danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính.*

12. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2019). Báo cáo “Ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2018 - thành công, bài học kinh nghiệm; giải pháp phát triển năm 2019”. Diễn đàn tại Hà Nội, ngày 22/02/2019.

13. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2017). Báo cáo số 10073/BC-BNN-TCLN ngày 04/12/2017 hoàn thành thực hiện dự án tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016.

14. Chính phủ (2015). *Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc.*

15. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 về chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông lâm nghiệp.*

STATUS AND PROPOSED SOLUTIONS TO PROMOTE THE DEVELOPMENT OF SAWLOG PLANTATION IN VIETNAM

Hoang Van Thang¹

¹*Vietnamese Academy of Forest Sciences*

Summary

Sawlog plantations not only provide incredible values of economics, society, security, defense, landscape, and biodiversity conservation, but also are very valuable in protecting the ecological environment, due to their strong protection function and large capacity to store and absorb CO₂ for a long time. In recent years, the Government of Vietnam and the Ministry of Agriculture and Rural Development have issued a number of legal documents as the basis for planting large timber plantations. The country's large timber plantation area currently is 489,016.8 ha and the area converted from small timber plantation to large timber area is 126,175 ha. The area of large timber plantation accounts for 13.45% of the total planted forest area of the country. Up to now, a large area of existing timber plantations is planted with Acacia species. There are many native tree species that are very suitable for large timber plantations and the technical procedures to plant these species are now available. These are favorable conditions for the development of large timber plantations in the country. However, planting large timber plantations in Vietnam is currently facing many difficulties, due to the long rotation of those plantations would lengthen the time of harvest and benefit receipts, and the investment fee is higher, as well as the technical requirements are also higher than that of small timber plantations with a short cycle. Moreover, the forest land area managed by smallholders and individuals is normally small and fragmented. In addition, the support policies are not attractive enough and the long rotation of large timber forest could encounter many risks. As a result, up to now, the progress of large timber plantations is still very limited and has not been achieved the development goals. Therefore, in order to promote large timber plantations in Vietnam, it is very necessary to pay more attention for removing and solving these shortcomings.

Keywords: *Afforestation, large timber, sawlog, sustainable.*

Người phản biện: PGS.TS. Lê Xuân Trường

Ngày nhận bài: 8/3/2023

Ngày thông qua phản biện: 4/4/2023

Ngày duyệt đăng: 25/5/2023